

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25/4/2023

“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Ngọc T qua tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D ngày 18/12/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nguyên nhân do ông T không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể đoàn tụ với nhau. Nhận thấy tình cảm

không còn, bà L làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông T. Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Ngọc T có 03 con chung là Võ Thị Yến N, sinh ngày 01/6/2013; Võ Thị N1, sinh ngày 24/12/2003 và Võ Thị Kim L sinh ngày 13/02/2005. Các con chung là N1 và L đã trưởng thành, có gia đình riêng và ở riêng, con chung là cháu N hiện đang do bà L trực tiếp chăm sóc. Ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông Võ Ngọc T đến làm việc, nhưng ông T không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Võ Ngọc T, yêu cầu nuôi con chung là cháu Võ Thị Yến N, sinh ngày 01/6/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bị đơn là ông Võ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt.:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Võ Ngọc T.

+ Về con chung: Giao cháu Võ Thị Yến N, sinh ngày 01/6/2013 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

Đơn khởi kiện; Trích lục kết hôn; Bản sao căn cước công dân; Bản sao giấy khai sinh; Bản sao Sổ hộ khẩu; Đơn đề nghị về việc từ chối hòa giải tại tòa án; Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản ghi lời khai con chưa thành niên; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với ông Võ Ngọc T. Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Võ Ngọc T hiện cư trú tại thôn B, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Võ Ngọc T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, ông Võ Ngọc T vắng mặt lần hai do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Drang ngày 18/12/2002, ông T và bà L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông T và bà L chung sống hạnh phúc một thời gian thì ông T và bà L phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, ông T đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông T và bà L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị L có 03 (ba) con chung là Võ Thị Yến N, sinh ngày 01/6/2013; Võ Thị N1, sinh ngày 24/12/2003 và Võ Thị Kim L sinh ngày 13/02/2005. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu được nuôi con chung là cháu Võ Thị Yến N, sinh ngày 01/6/2013. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, thấy rằng con chung là cháu Nhi hiện đang do bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, việc giao con chung là cháu Nhi cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng. Riêng đối với các con chung là Võ Thị Nga, sinh ngày 24/12/2003 và Võ Thị Kim Liên sinh ngày 13/02/2005, đến thời điểm xét xử đều đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị L trình bày các con chung là Nga và Liên đã có gia đình riêng và ra ở riêng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Võ Ngọc T.

2. Về con chung:

Giao con chung là Võ Thị Yến N, sinh ngày 01/6/2013 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0004741 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng